

Bản án số: 316/2023/HC-PT

Ngày: 11/9/2023.

*V/v kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường

ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 46/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3111/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Phạm Thị V

Nơi ĐKNKTT: thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: số nhà A, ngách I, ngõ I N, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Lê Đình C - Phó Chủ tịch UBND huyện E (theo văn bản ủy quyền số 12/GUQ-UBND ngày 26/7/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Ngọc D - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn M
- Bà Đào Thị H
- Ông Phạm Văn T
- Ông Phạm Văn T1
- Ông Phạm Văn Đ

Cùng địa chỉ: thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn Đ: bà Phạm Thị V (theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2022).

Nơi ĐKKHKT: thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: số nhà A, ngách I, ngõ I N, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội. Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Vũ Xuân B
- Bà Vũ Thị T2
- Ông Vũ Xuân H1

Cùng địa chỉ: thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Vũ Thị T3
- Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
- Bà Vũ Thị Hà

Địa chỉ: dãy trọ cuối đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông B, bà T2, ông H1, bà T3 và bà H2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Phạm Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Phạm Thị V trình bày:**

Bà là con của ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H. Tháng 12/2002, gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Vũ Xuân H3, bà Dương Thị T4 diện tích đất 4.985m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 407207 do UBND huyện E cấp ngày

19/11/1998 cho hộ ông Vũ Xuân H3. Ngày 01/6/2005, UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số AC 517864 cho hộ gia đình ông Phạm Văn M đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.985m², tại thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 2009, gia đình bà thấy gia đình ông Vũ Xuân B ở giáp ranh đã lấn chiếm một phần diện tích đất của gia đình bà nên bố mẹ bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà T2 trả lại 85,4m² đất lấn chiếm. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk đã bác đơn khởi kiện của bố mẹ bà. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 08/6/2016, TAND huyện Ea Kar thụ lý, giải quyết vụ án dân sự số 52/2016/TLST-DS về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thiệt hại” giữa nguyên đơn ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 với bị đơn ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H. Vụ án đã bị đình chỉ theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 56/2021/QĐST-DS ngày 17/5/2021 của TAND huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đình chỉ này, gia đình bà mới biết hộ ông B, bà T2 đã được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 665950 do UBND huyện E cấp ngày 06/02/2015 với diện tích biến động tăng thêm 760,4m², diện tích tăng thêm này không có trong nội dung quyết định của Bản án số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk và phần đất tăng thêm này là do cấp chồng lấn lên phần đất của gia đình bà.

Gia đình bà có đơn khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông B. Ngày 17/5/2021, UBND huyện E ban hành Văn bản số 771/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn, nội dung không chấp nhận kiến nghị của gia đình bà. Gia đình bà tiếp tục khiếu nại và nhận được Thông báo số 155/TB-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Đ về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ngày 20/12/2021, UBND huyện E ban hành Quyết định số 781/QĐ-UBND về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 mang tên hộ ông Phạm Văn M và ban hành Thông báo số 409/TB-UBND cùng ngày 20/12/2021 về việc thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của gia đình bà không còn giá trị pháp lý. Lý do hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là “Thực hiện theo Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 của TAND huyện Ea Kar”. Việc UBND huyện E hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 của gia đình bà là để hợp thức hóa việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 665950 cho hộ ông B, bà T2 làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Ông M, bà H đã khiếu nại Quyết định số 781/QĐ-UBND và Thông báo số 409/TB-UBND nhưng UBND huyện E lại ban hành Thông báo số 102/UBND-TTr ngày 11/01/2022 về việc không giải quyết khiếu nại của ông M, bà H.

Bản án số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk đã có hiệu lực pháp luật, tuyên xử: “Bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn M và bà Đào Thị H. Ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H và ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 có trách

nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”.

Ngày 30/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 666/TA-DS về việc giải thích Bản án số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013: “Xét thấy, ngoài chi phí đo đạc, chi phí định giá, chi phí giám định, án phí phải thi hành án thì các Quyết định khác của Bản án này không thuộc trường hợp phải thi hành án...”.

Ngày 18/5/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar ban hành Công văn số 901/CCTHADS có nội dung: “Nội dung bản án tuyên không làm phát sinh nghĩa vụ đối với UBND huyện E... Bản án của Tòa án không xác định người được thi hành án, người phải thi hành án. Hơn nữa, Tòa án không ban hành quyết định buộc thi hành án hành chính với UBND huyện E”.

Căn cứ Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 65, Điều 77, Điều 82 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai: từ khi nhận chuyển nhượng thửa đất đến nay, không có một quyết định nào của Tòa án, của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời không có bất cứ một văn bản kết luận nào của Thanh tra đất đai có nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 mang tên hộ Phạm Văn M là vi phạm pháp luật, thuộc trường hợp phải thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện E về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 đứng tên hộ ông Phạm Văn M.

+ Hủy Thông báo số 409/TB-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện E về việc Thông báo nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M không còn giá trị pháp lý.

+ Hủy Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của UBND huyện E về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 665950 do UBND huyện E cấp ngày 06/02/2015 cho hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2.

*** Người bị kiện** Ủy ban nhân dân huyện E, **tỉnh Đắk Lắk trình bày:**

Năm 2002, vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Vũ Xuân H3, bà Dương Thị T4 diện tích 4.895m² (đất đã có GCNQSDĐ). Khi sang nhượng có giấy viết tay và người làm chứng là bà Vũ Thị T2, hai bên thỏa thuận đo chiều ngang mặt đường quốc lộ là 31,5m và giá 2,5 chỉ vàng/m. Năm 2005, hộ ông M làm thủ tục sang tên được UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC517864 ngày 01/6/2005, thửa đất số 209, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.895m². Năm 2009, hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 xây

dựng tường rào sát ranh giới đất nhà ông M. Ông M cho rằng gia đình ông B đã lấn chiếm đất của mình nên làm đơn yêu cầu UBND xã E can thiệp. Sau khi hòa giải ở UBND xã E không thành, ngày 10/5/2010 ông M và bà H khởi kiện yêu cầu TAND huyện Ea Kar buộc ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 trả lại cho ông phần diện tích đất đã lấn chiếm khoảng hơn 2m chiều ngang theo mặt đường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 của TAND huyện Ea Kar tuyên xử:

“1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M và bà Đào Thị H.

2. Kiến nghị UBND huyện E, Phòng T thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H và ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 theo hiện trạng mà các hộ sử dụng”.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk tuyên xử: “Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn M và bà Đào Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M và bà Đào Thị H. Ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H và ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”.

Tại Công văn số 2099/TANDTC-DS ngày 09/10/2013 của Tòa án nhân dân tối cao v/v trả lời đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông Phạm Văn M, có nội dung: “Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2012 và sơ đồ đất tranh chấp thì phần đất của ông bà đang sử dụng có chiều ngang theo Quốc lộ B là 32,9m nên chiều ngang mặt đường nhiều hơn so với khi nhận chuyển nhượng đất của ông H3 là 1,4m. Do đó, không có căn cứ xác định vợ chồng ông B lấn chiếm đất của ông bà, nên Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông bà là có căn cứ. Tòa án nhân dân tối cao xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông bà nêu trong đơn đề nghị giám đốc thẩm”.

Như vậy, việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H với bị đơn ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 đã được TAND các cấp giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 của TAND huyện Ea Kar, Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk và Công văn số 2099/TANDTC-DS ngày 09/10/2013 của TAND tối cao. Kết quả: Tòa án các cấp yêu cầu ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H và ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Thực hiện 02 bản án nêu trên, ngày 28/7/2014, UBND xã E có Tờ trình số 67/TTr-UBND về việc đề nghị hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 mang tên hộ ông Phạm Văn M.

Ngày 26/8/2014, Phòng T có Công văn số 48/TNMT-TTra về việc đăng ký cấp giấy chứng nhận của ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H, ông Vũ Xuân B, bà Đào Thị T5. Theo đó, Phòng T đề nghị UBND xã E hướng dẫn một trong các bên liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar để được thi hành án theo yêu cầu.

Ngày 02/12/2014, ông B, bà T5 đã tiến hành làm thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất sử dụng đã tuyên tại Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk. Đối với hộ ông M, UBND xã E đã 04 lần thông báo và yêu cầu ông M, bà H thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng theo quy định nhưng ông M, bà H không thực hiện. Như vậy, ông B, bà T5 thực hiện, còn ông M và bà H vẫn chưa thực hiện Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 24/8/2016, ông B, bà T5 có đơn yêu cầu thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 của TAND huyện Ea Kar và Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 25/8/2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar có Thông báo số 1270/TB-CCTHADS về việc từ chối nhận đơn yêu cầu thi hành án của ông B, bà T5 với lý do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 đã được thi hành đối với ông B, bà T5.

Ngày 03/9/2018, TAND huyện Ea Kar có Công văn số 132/CV - TA về việc yêu cầu thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị UBND huyện E phối hợp với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar tiến hành thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M và làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn M theo đúng diện tích xác định trong Bản án dân sự phúc thẩm số 49 nêu trên.

Ngày 07/3/2019, UBND huyện ban hành Thông báo số 49/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó, UBND huyện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864, sổ vào sổ H01223, do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005, tại thửa số 209, tờ bản đồ 11, diện tích 4.985m², mục đích sử dụng 400m² đất ONT, 4.585m² đất CHN tại thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk mang tên hộ ông Phạm Văn M. Lý do thu hồi: thực hiện theo Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nhận được Thông báo số 49/TB-UBND ngày 07/3/2019 của UBND huyện, ông M không đồng ý vì cho rằng xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngày 24/4/2019, UBND huyện có Công văn số 343/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H (đơn đề ngày 04/4/2019).

Ngày 25/5/2019, ông M có đơn đề nghị UBND huyện E ra Quyết định hủy bỏ Thông báo số 49/TB-UBND ngày 07/3/2019 về việc thu hồi Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất và hủy bỏ Công văn số 343/UBND-TNMT ngày 24/4/2019 của UBND huyện E.

Ngày 04/6/2019, UBND huyện E có Công văn số 492/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông M, bà H (đơn đề ngày 25/5/2019).

Ngày 12/4/2021, ông M tiếp tục có đơn gửi UBND tỉnh Đ khiếu nại Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất số BI665950, do UBND huyện E ngày 06/2/2015 mang tên hộ ông Vũ Xuân B.

Ngày 17/05/2021, UBND huyện có Công văn số 771/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của công dân Phạm Văn M (đơn đề ngày 12/4/2021).

Ngày 11/8/2021 và ngày 28/8/2021, ông M tiếp tục có đơn đề nghị UBND huyện giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 10/6/2021 và ra Quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật. Theo đó, UBND huyện đã ban hành Thông báo số 308/TB-UBND ngày 20/9/2021 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ngày 14/9/2021, bà Phạm Thị V (người được ông Phạm Văn M ủy quyền) tiếp tục có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Đ.

Ngày 26/11/2021, Sở T6 có Công văn số 3743/STNMT-TTra về việc xử lý đơn của bà Phạm Thị V. Theo đó, Sở T6 đề nghị UBND tỉnh không xem xét giải quyết khiếu nại và ban hành thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với đơn của bà Phạm Thị V theo quy định.

Ngày 08/12/2021, UBND tỉnh Đ ban hành thông báo số 155/TB UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V (người được ông Phạm Văn M ủy quyền) tại đơn khiếu nại đề ngày 14/9/2021.

Ngày 20/12/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M; Thông báo số 409/TB-UBND thông báo nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M không còn giá trị pháp lý.

Ngày 28/12/2021, bà Phạm Thị V tiếp tục có đơn khiếu nại gửi UBND huyện E khiếu nại Quyết định số 781/QĐ-UBND và Thông báo số 409/TB UBND ngày 20/12/của UBND huyện E.

Ngày 11/01/2022, UBND huyện E ban hành Công văn số 102/UBND-TTr về việc không giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V.

- Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất số BI 665950 do UBND huyện E cấp ngày 06/2/2015 mang tên hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2: ngày 02/12/2014, ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 có Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

O 407969 do UBND huyện E cấp ngày 14/11/1998 mang tên hộ ông Vũ Xuân B, thuộc thửa 208, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.620m² (mục đích sử dụng đất: 400m² ONT, 1.220m² đất trồng cà phê); địa chỉ thửa đất tại thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Lý do đề nghị cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận theo Bản án số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 (kèm theo hồ sơ gồm: Tờ trình số 102/TTr UBND ngày 02/12/2014 của UBND xã E về việc đề nghị hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 02/12/2014 của UBND xã E về việc xin cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thay đổi thông tin địa chính; Biên bản kiểm tra, xác minh ranh giới hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất ngày 03/1/2014; Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 02/12/2014).

Sau khi thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vũ Xuân B. Ngày 16/01/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E) chuyển thông tin địa chính đến Chi cục thuế huyện E (nay là Chi cục thuế khu vực E - M'Đrăk) để xác định nghĩa vụ tài chính.

Ngày 20/01/2015, Chi cục thuế huyện E có Thông báo số 150119/429/151/TB-CCT thông báo về nộp lệ phí trước bạ nhà, đất. Sau khi hộ ông Vũ Xuân B hoàn thành nghĩa vụ tài chính, ngày 05/12/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có Tờ trình số 15/TTr VPĐK về việc đề nghị thu hồi và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình UBND huyện.

Ngày 06/02/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 244/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 407969 của hộ ông Vũ Xuân B, tại thửa số 208, tờ bản đồ số 11, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, với tổng diện tích 1.620m² (mục đích sử dụng đất: 400m² đất ở nông thôn và 1.220m² đất trồng cây lâu năm); thời hạn sử dụng đất: đất ở nông thôn: lâu dài và đất trồng cây lâu năm sử dụng đến ngày 15/10/2043, đã được UBND huyện E cấp ngày 14/11/1998. Lý do thu hồi: cấp lại.

Cùng ngày 06/02/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 245/QĐ UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 665950 cho hộ ông Vũ Xuân B và bà Vũ Thị T2, thuộc thửa số 362 (thửa cũ 208), tờ bản đồ số 39 (tờ bản đồ cũ 11), diện tích 2.380,4m²; tại thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; mục đích sử dụng đất: 400m² đất ở nông thôn và 1.980,4m² đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đất ở nông thôn: lâu dài và đất trồng cây lâu năm sử dụng đến ngày 15/10/2043.

Căn cứ Điều 84 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Bản án số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar; Bản án số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H với bị đơn ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2; Công văn số 2099/TANDTC-DS ngày

09/10/2013 của TAND tối cao về việc trả lời đơn đề nghị giám đốc thẩm. Trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vũ Xuân B được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E) thẩm định, trình UBND huyện cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vũ Xuân B đảm bảo đúng nội dung bản án mà Tòa các cấp tuyên xử, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M: UBND huyện E thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Xuân B và bà Vũ Thị T2 theo nội dung bản án của Tòa án các cấp. UBND xã E đã ban hành Thông báo số 23/TB-UBND ngày 28/5/2014; Thông báo số 26/TB-UBND ngày 09/6/2014, Thông báo số 27/TB UBND ngày 19/6/2014, Thông báo số 34/TB-UBND ngày 11/6/2014 đề nghị ông Phạm Văn M và bà Đào Thị H đến UBND xã E để giải quyết việc cấp lại Giấy chứng nhận và giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AC 517864, do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 cho hộ ông Phạm Văn M. Tuy nhiên, ông Phạm Văn M và bà Đào Thị H không chấp hành. Do đó, ngày 28/7/2014, UBND xã E có Tờ trình số 28/7/2014 về việc đề nghị hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 cho hộ ông Phạm Văn M thửa đất số 209, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.985m².

Việc sử dụng đất của hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 so với việc sử dụng đất của hộ ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H có sự chồng lấn về hồ sơ địa chính (không có sự chồng lấn hiện trạng sử dụng đất). Căn cứ kết quả giải quyết của TAND các cấp và các cơ quan đơn vị có liên quan, đồng thời để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các bên và theo đúng quy định của pháp luật, UBND huyện E cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 665950 cho hộ ông Vũ Xuân B và bà Vũ Thị T2, thuộc thửa số 362 (thửa cũ 208), tờ bản đồ số 39 (tờ bản đồ cũ 11), diện tích 2.380,4m² tại thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M. Lý do hủy bỏ: thực hiện theo Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 của TAND huyện Ea Kar và Bản án dân sự phúc thẩm số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, khởi kiện của bà Phạm Thị V là không có cơ sở để xem xét giải quyết. UBND huyện E đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà V. Đồng thời, yêu cầu hộ ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H có trách nhiệm liên hệ UBND xã E, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E để được hướng dẫn kê khai đăng ký, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng đang sử dụng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn Đ *trình bày*: các ông, bà là bố mẹ và anh ruột của bà Phạm Thị V. Các ông, bà thống nhất với trình bày của bà V, không có yêu cầu gì thêm.

- Bà Vũ Thị T2 *trình bày*: vào năm 1992 gia đình bà có mua của ông Nguyễn Văn L thửa đất sát Quốc lộ B có chiều rộng giáp lộ 37m, chiều dài chạm suối, Đông giáp đất ông H3, Tây giáp đất anh H4. Đến năm 1996, bà chuyển nhượng cho anh Phạm Đăng K một nửa là 18,5m sát Quốc lộ B, chuyển nhượng lại cho bà Đào Thị D1 6,5m sát Quốc lộ B dài tới suối. Diện tích đất thực tế gia đình bà đang sử dụng: phía Nam sát Quốc lộ B là 12m; phía Tây giáp ông H3 (nay là đất ông M); phía Đông giáp đất bà D1; phía Bắc giáp suối. Gia đình bà làm nhà và sinh sống ổn định không có tranh chấp. Năm 1999 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 23/12/2009, gia đình bà xây dựng hàng rào, đã được chính quyền cấp xã đo đạc lập biên bản chứng kiến. Đồng thời hai gia đình đã ký kết xác nhận mốc giới không có gì tranh chấp. Sau đó, ông M, bà H lại có đơn khởi kiện bà và đã được các cấp Tòa án bác đơn khởi kiện của gia đình ông M, bà H và yêu cầu hai gia đình có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Gia đình bà đã chấp hành bản án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật và đúng nguồn gốc đất. Còn gia đình ông M không chấp hành bản án mà khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 665950 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 06/02/2015 cho hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 nên bà không đồng ý với khởi kiện của gia đình ông M.

- Ông Vũ Xuân B: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và thu thập chứng cứ đối với ông B được.

- Chị Vũ Thị T3, chị Vũ Thị H5, anh Vũ Xuân H1 *trình bày*: các anh, chị là con của ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2. Các anh, chị thống nhất với lời khai của mẹ là bà T2, không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 14/02/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu: hủy Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc

hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 đứng tên hộ ông Phạm Văn M; hủy Thông báo số 409/TB-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc Thông báo nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M không còn giá trị pháp lý; hủy Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 665950 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 06/02/2015 cho hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/02/2023, người khởi kiện bà Phạm Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả những người tham gia tố tụng gồm: người khởi kiện đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M, bà H, ông T, ông T1 và ông Đ; người bị kiện; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà T2, ông H1, bà T3 và bà H5 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, tất cả những người tham gia tố tụng gồm: người khởi kiện đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M, bà H, ông T, ông T1 và ông Đ; người bị kiện; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà T2, ông H1, bà T3 và bà H5 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị V yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H với bị đơn ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 đã được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm

số 49/2013/DSPT ngày 22/3/2013. Theo đó, Bản án dân sự phúc thẩm đã quyết định: “Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2012/DSST ngày 28/8/2012 của TAND huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Tuyên xử: bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M và bà Đào Thị H. Ông Phạm Văn M, bà Đào Thị H và ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”. Ngày 09/10/2013, Toà án nhân dân tối cao có Công văn số 2099/TANDTC-DS về việc trả lời đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông M, bà H là không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông, bà. Bản án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm nói trên đang có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về nội dung hai bản án dân sự nói trên đã nhận định: qua đo đạc thực tế xác định diện tích đất của hộ gia đình bà H hiện nay đang sử dụng có chiều rộng theo Quốc lộ B là 32,9m²; trong khi giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H3 với gia đình ông M, bà H có chiều rộng là 31,5m². Như vậy, gia đình ông M, bà H đã lấn sang phần đất của ông B, bà T2 là 1,4m. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E cũng xác định: khi triển khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã căn cứ vào bản đồ địa chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không kiểm tra đo lại đất trên thực địa nên có sự sai lệch diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng đất mà hai hộ đã và đang sử dụng. Thi hành kết quả giải quyết tranh chấp đất đai bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Toà án, UBND huyện E đã yêu cầu ông M, bà H và ông B, bà T2 thực hiện các thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng của hai hộ. Hộ ông B, bà T2 đã làm đơn đề nghị UBND huyện E cấp đổi, cấp lại đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 407969 do UBND huyện E cấp ngày 14/11/1998 mang tên hộ ông Vũ Xuân B, thuộc thửa 208, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.620m². Do đó, ngày 06/02/2015, UBND huyện E đã ban hành Quyết định số 244/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 407969 của hộ ông B và ban hành Quyết định số 245/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 665950 cho hộ ông Vũ Xuân B và bà Vũ Thị T2, thuộc thửa số 362 (thửa cũ 208), tờ bản đồ số 39 (tờ bản đồ cũ số 11), diện tích sau điều chỉnh là 2.380,4m². Việc UBND huyện E huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 407969 cũ và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 665950 cho hộ ông B, bà T2 là đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định tại Điều 84 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[2.3] Đối với hộ ông M, bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ủy ban nhân dân xã E đã nhiều lần thông báo và yêu cầu hộ ông M, bà H làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định nhưng hộ ông M không thực hiện. Mặc dù ông M, bà H không có đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng nhưng UBND huyện E vẫn có thẩm

quyền xử lý, điều chỉnh đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 cho hộ ông M khi phát hiện có sai sót là giấy chứng nhận đã cấp không đúng diện tích đất và thực hiện theo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Vì vậy, UBND huyện E ban hành Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 ngày 01/6/2005 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Phạm Văn M và Thông báo số 409/TB-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện E về việc Thông báo nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên không còn giá trị pháp lý là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V là có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà V; chấp nhận đề nghị của đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị V và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M.

+ Hủy Thông báo số 409/TB-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc Thông báo nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 517864 do UBND huyện E cấp ngày 01/6/2005 mang tên hộ ông Phạm Văn M không còn giá trị pháp lý.

+ Hủy Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 665950 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 06/02/2015 cho hộ ông Vũ Xuân B, bà Vũ Thị T2.

2. Về án phí: bà Phạm Thị V phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000780 ngày 02/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên